

Số: 1369/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 26 tháng 6 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt chủ trương đầu tư và dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư xây dựng công trình: Sửa chữa, nâng cấp hệ thống kênh thuộc HTTL An Khương, xã An Khương, huyện Hớn Quản**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản ngày 19/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 26/2009/QĐ-UBND ngày 29/6/2009 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 578/TTr-SKHĐT ngày 30/5/2014,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt chủ trương đầu tư và dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư xây dựng công trình: Sửa chữa, nâng cấp hệ thống kênh thuộc HTTL An Khương, xã An Khương, huyện Hớn Quản, với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tên công trình: Sửa chữa, nâng cấp hệ thống kênh thuộc HTTL An Khương, xã An Khương, huyện Hớn Quản.

2. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và PTNT.

3. Dự kiến nội dung và quy mô đầu tư: Sửa chữa, nâng cấp hệ thống kênh tưới hiện hữu, tổng chiều dài khoảng 2.210m, cụ thể như sau:

- Kênh chính: Xây dựng công hộp bằng BTCT đá 10x20 M200 chiều dài khoảng 10m.

- Kênh nhánh N16: Nâng cấp đoạn kênh đất thành kênh BTCT đá 10x20 M200 đoạn kênh đất còn lại dài khoảng 800m.

- Kênh nhánh N4: Sửa chữa đoạn kênh đã xuống cấp N4 (kênh bê tông tấm lát) dài 200m.

- Cửa van điều tiết nước trên kênh: Bỏ sung, sửa chữa toàn bộ cửa van điều tiết trên kênh chính, kênh nhánh.

- Kênh xây dựng mới: Xây dựng bỏ sung 1.200m kênh nhánh bằng BTCT đá 10x20 M200 để cung cấp nước tưới cho khu vực nằm xa tuyến kênh chính.

4. Địa điểm thực hiện: Xã An Khương, huyện Hón Quán.

5. Loại, cấp công trình: Công trình thủy lợi, cấp IV.

6. Dự kiến tổng mức đầu tư: 4.935.020.788 đồng.

7. Dự kiến nguồn vốn đầu tư: Vốn sự nghiệp thủy lợi, vốn an toàn hồ chứa và vốn khắc phục hậu quả hạn hán và xâm nhập mặn vụ Đông Xuân.

8. Dự kiến thời gian thực hiện: Năm 2015-2016.

9. Dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư: 276.675.000 đồng

Trong đó:

- Chi phí khảo sát địa hình: 113.294.000 đồng

- Chi phí giám sát khảo sát: 12.150.000 đồng

- Chi phí thẩm tra TKBVTC+ DT: 11.508.000 đồng

- Chi phí lập Báo cáo KTKT: 129.723.000 đồng

- Lệ phí thẩm định Báo cáo KTKT: 1.000.000 đồng

- Chi phí quản lý dự án bước CBĐT: 9.000.000 đồng

(Có bảng tính chi phí kèm theo)

Các chi phí nêu trên là tạm tính. Khi thanh quyết toán căn cứ vào kết quả thực hiện được nghiệm thu và các quy định hiện hành của nhà nước.

**Điều 2.** Sở Nông nghiệp và PTNT là chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng của nhà nước, tổ chức thực hiện tốt các nội dung được phê duyệt tại Điều 1.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và PTNT, Kho bạc nhà nước Bình Phước; Chủ tịch UBND huyện Hón Quán, Chủ đầu tư và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- CT, các PCTUBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Phòng KTTH, KTN;
- Lưu: VT (Nghĩa: 20.6).*gr*



CHỦ TỊCH *trư*

*rau*

# BẢNG TÍNH CHI PHÍ KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH

**DỰ ÁN: SỬA CHỮA, NÂNG CẤP HỆ THỐNG KÊNH THUỘC HTTL AN KHƯƠNG**  
(Kèm theo Quyết định số 1369 /QĐ-UBND ngày 26/6/2014 của UBND tỉnh Bình. Phước)



Chi phí khảo sát địa hình.

Mã hiệu	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá		Thành tiền (đồng)			
				VL	NC	VL (a1)	NC (b1)	M (c1)	
CK.04803	Kiểm tra chế mặt bằng đường chuyển cấp 2, địa hình cấp III	Điểm	19.000	33,762	1,271,327	19,541	641,478	24,155,213	371,279
CL.03103	Thủy chuẩn kỹ thuật địa hình cấp III	Km	2.210	3,073	566,065	3,873	6,791	1,251,004	8,559
CM.03103	Đo bình đồ trên cạn tỷ lệ 1/1000, đường đồng mức 1m, dh cấp III	100ha	0.022	552,943	52,894,632	1,076,193	12,220	1,168,971	23,784
CM.02103	Đo bình đồ trên cạn tỷ lệ 1/500, đường đồng mức 0,5m, dh cấp III	ha	0.500	25,419	1,573,582	33,045	12,710	786,791	16,523
CO.01103	Đo trắc dọc tuyến trên cạn địa hình cấp III	100m	22.100	29,255	380,470	4,324	646,536	8,408,387	95,560
CO.01203	Đo trắc ngang tuyến trên cạn địa hình cấp III	100m	8.100	35,565	494,479	8,957	288,077	4,005,280	72,552
	<b>CỘNG</b>						<b>1,607,812</b>	<b>39,775,646</b>	<b>588,257</b>
STT	Loại chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền					
1	Chi phí trực tiếp	T		54,898,800					
a	Chi phí vật liệu theo đơn giá	VL	a1	1,607,812					
b	Chi phí nhân công theo đơn giá	NC	1,325*b1	52,702,731					
c	Chi phí máy thi công theo đơn giá	M	C1	588,257					
d	Tổng cộng	T	VL+NC+M	54,898,800					
2	Chi phí chung	C	65% x NC	34,256,775					
3	Thu nhập chịu thuế tính trước	TN	6% x (T+C)	5,349,335					
4	Chi phí lập hồ sơ, báo cáo khảo sát	PA	5% x T	2,744,940					
5	Chi phí chờ ở tạm thời	NT	5% x T	2,744,940					
6	Chi phí chuyển quỹ, chuyển máy	CQ	2 * 1500000	3,000,000					
7	Chi phí khảo sát địa hình trước thuế	Gtt	T+C+TN+PA+NT	102,994,790					
8	Thuế giá trị gia tăng	VAT	10% x Gtt	10,299,479					
9	Tổng công chi phí khảo sát địa hình sau thuế	KS	Gtt + VAT	113,294,000					